

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 09/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Trịnh Văn Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Kim Bùi H, sinh năm 1963

Hiện cư trú tại: Cộng hòa Séc.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1963

Hiện cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên họp có mặt bà N, ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo nội dung đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, ông Kim Bùi H và bà Trần Thị N đều trình bày: Ông bà tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện V - tỉnh Nam Định.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung

trong cuộc sống. Từ năm 2006 đến nay, ông H cư trú, làm việc tại Cộng hòa Séc còn bà N sinh sống, làm việc tại Việt Nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Ông H và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Kim Bùi Tú, sinh ngày 06/11/1990 và Kim Tú Oanh, sinh ngày 10/3/1994. Đến nay, các con chung đều đã trưởng thành, tự lập được nên ông H và bà N không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có tài sản chung là mảnh đất có diện tích 207m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03 tại xã H - huyện V - tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA891352 ngày 20/4/2010 mang tên Trần Thị N và Kim Bùi H. Nay vợ chồng ly hôn, ông H, bà N thỏa thuận giao lại toàn bộ thửa đất và các tài sản, công trình trên đất cho bà N được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt.

Về công nợ: Ông H và bà N không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa xem xét.

* Tại phiên họp sơ thẩm: Bà Trần Thị N giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận về tài sản cho vợ chồng bà; bà tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông Kim Bùi H, bà Trần Thị N đều thống nhất xin ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H, bà N là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, tự lập được nên ông H, bà N không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Ông H, bà N thống nhất thỏa thuận để lại tài sản chung hợp pháp của vợ chồng là toàn bộ thửa đất và các tài sản, công trình đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA891352 ngày 20/4/2010 cho bà N được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về công nợ: Ông H và bà N không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bà N nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N hiện cư trú tại thôn Phú Đa - xã H - huyện V - tỉnh Nam Định còn ông Kim Bùi H hiện cư trú tại Cộng hòa Séc; ông H và bà N có đơn thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án giải quyết nên căn cứ Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Ông H có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Bùi H và bà Trần Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện V - tỉnh Nam Định, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay ông H và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà N là tự nguyện, nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con chung của ông H và bà N đều đã trưởng thành, tự lập được nên ông bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông H, bà N có tài sản chung là mảnh đất có diện tích 207m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03 tại xã H - huyện V - tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA891352 ngày 20/4/2010 mang tên Trần Thị N và Kim Bùi H. Nay ông bà thỏa thuận giao lại toàn bộ thửa đất và các tài sản, công trình trên đất cho bà N được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Quá trình xác minh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vụ Bản - tỉnh Nam Định cung cấp đến thời điểm hiện tại, thửa đất và các công trình trên đất nói trên vẫn mang tên và thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H, bà N; chưa có việc chuyển nhượng, tặng cho hay thế chấp. Xét thấy sự tự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Bà N tự nguyện nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 149, Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Kim Bùi H và bà Trần Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Kim Bùi H và bà Trần Thị N: Giao cho bà Trần Thị N được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là mảnh đất có diện tích 207m², thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03 tại xã H - huyện V - tỉnh Nam Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA891352 ngày 20/4/2010 mang tên Trần Thị N và Kim Bùi H.

Bà Trần Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003922 ngày 14/01/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định. Bà N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 31-3-2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Hiến Khánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Tiến Dũng